

Số: / QCPH-UBND-VVSDTTN

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

QUY CHẾ PHỐI HỢP

GIỮA UBND TỈNH GIA LAI VÀ VIỆN VỆ SINH DỊCH TỄ TÂY NGUYÊN TRONG CÔNG TÁC PHÒNG BỆNH VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Phòng bệnh số 114/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Thông tư số 20/2025/TT-BYT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về y tế thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 43/2025/TT-BYT ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trạm Y tế xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 53/2025/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1108/QĐ-BYT ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phân công chỉ đạo tuyến trong lĩnh vực phòng bệnh;

UBND tỉnh Gia Lai, Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên thống nhất ban hành Quy chế phối hợp giữa UBND tỉnh Gia Lai và Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên trong công tác phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, hình thức, trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa UBND tỉnh Gia Lai và Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên trong công tác phòng bệnh, phòng, chống dịch bệnh, tiêm chủng, dinh dưỡng, phòng, chống

bệnh không lây nhiễm, sức khỏe môi trường, sức khỏe học đường, sức khỏe nghề nghiệp, phòng chống tai nạn thương tích, an toàn thực phẩm, xét nghiệm, nghiên cứu khoa học, đào tạo, chuyển giao chuyên môn kỹ thuật, chuyển đổi số y tế và các nhiệm vụ chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe Nhân dân trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Nội dung phối hợp khác có liên quan nhưng chưa được quy định cụ thể tại Quy chế này được thực hiện theo quy định của pháp luật, chỉ đạo của Bộ Y tế, UBND tỉnh và trên cơ sở trao đổi, thống nhất giữa các bên trong quá trình triển khai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. UBND tỉnh Gia Lai; Sở Y tế; các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh.

2. Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên và các khoa, phòng, đơn vị trực thuộc Viện.

3. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức thực hiện các nội dung phối hợp theo Quy chế này.

Điều 3. Mục đích phối hợp

1. Thiết lập cơ chế phối hợp chính thức, thường xuyên và hiệu quả giữa tỉnh Gia Lai và Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên; phát huy năng lực chuyên môn, kỹ thuật, nghiên cứu, đào tạo và chỉ đạo tuyến của Viện để hỗ trợ tỉnh trong công tác phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

2. Nâng cao năng lực giám sát, dự báo, cảnh báo sớm, phát hiện kịp thời và đáp ứng nhanh với dịch bệnh, sự kiện y tế công cộng, nguy cơ về an toàn thực phẩm, sức khỏe môi trường, sức khỏe học đường, sức khỏe nghề nghiệp, phòng chống tai nạn thương tích và các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.

3. Góp phần củng cố hệ thống y tế cơ sở; triển khai hiệu quả nhiệm vụ khám sức khỏe toàn dân, tiêm chủng, dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, chuyển đổi số y tế và các nhiệm vụ trọng tâm theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

4. Tạo điều kiện để Sở Y tế, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động phối hợp với Viện trong tiếp nhận hỗ trợ chuyên môn, chuyển giao kỹ thuật, đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu, khảo sát, phân tích số liệu và tham mưu chính sách y tế phù hợp với đặc điểm của tỉnh Gia Lai sau sắp xếp.

Điều 4. Nguyên tắc phối hợp

1. Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của UBND tỉnh đối với công tác y tế trên địa bàn; đồng thời tôn trọng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền chuyên môn của Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên theo phân công của Bộ Y tế.

2. Việc phối hợp được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi bên; kết hợp hài hòa yêu cầu quản lý nhà nước của địa phương với vai trò

chuyên môn, kỹ thuật, chỉ đạo tuyến của Viện; không làm thay nhiệm vụ của nhau, không phát sinh thủ tục và tầng nấc trung gian không cần thiết.

3. Sở Y tế chủ trì trao đổi, thống nhất với Viện về nội dung, phương thức thực hiện, đầu mối phối hợp, sản phẩm đầu ra và thời hạn hoàn thành đối với từng nội dung phối hợp; đề cao trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

4. Việc trao đổi, chia sẻ thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời, đúng quy định; bảo đảm bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin sức khỏe và các thông tin chuyên môn nhạy cảm theo quy định của pháp luật.

5. Ưu tiên xử lý nhanh các tình huống khẩn cấp, bất thường về dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, thiên tai, thảm họa, sự kiện y tế công cộng và các nguy cơ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe Nhân dân.

6. Hoạt động phối hợp phải thiết thực, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp nhu cầu thực tiễn của tỉnh; tránh hình thức, trùng lặp, chồng chéo và lãng phí nguồn lực.

Chương II

NỘI DUNG PHỐI HỢP

Điều 5. Phối hợp trong tham mưu chiến lược, kế hoạch và chính sách phòng bệnh

1. Phối hợp tham mưu UBND tỉnh xây dựng, triển khai, rà soát, điều chỉnh các chương trình, kế hoạch, đề án, nhiệm vụ về phòng bệnh, phòng, chống dịch bệnh, tiêm chủng, dinh dưỡng, phòng, chống bệnh không lây nhiễm, sức khỏe môi trường, an toàn thực phẩm và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

2. Đề nghị Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được Bộ Y tế giao, hỗ trợ tỉnh trong tham vấn chiến lược, cập nhật chủ trương, chính sách, hướng dẫn chuyên môn; cung cấp bằng chứng khoa học, phân tích tình hình dịch tễ, mô hình bệnh tật, các chỉ số sức khỏe và yếu tố nguy cơ phù hợp với đặc điểm tỉnh Gia Lai.

3. Sở Y tế chủ trì tổng hợp nhu cầu hỗ trợ chuyên môn của địa phương; trao đổi, thống nhất với Viện về nội dung hợp tác hằng năm và từng giai đoạn; tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thống nhất, đồng bộ, hiệu quả.

4. Nội dung tham mưu phải bám sát yêu cầu bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe Nhân dân; ưu tiên địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới và nhóm dân cư có nguy cơ cao.

Điều 6. Phối hợp trong giám sát, phòng, chống dịch bệnh và sự kiện y tế công cộng

1. Phối hợp tổ chức giám sát thường xuyên, giám sát trọng điểm, giám sát dựa vào sự kiện; theo dõi, phân tích nguy cơ, cảnh báo sớm bệnh truyền nhiễm,

HIV/AIDS, bệnh truyền nhiễm mạn tính, bệnh mới nổi, bệnh tái nổi, bệnh lưu hành tại khu vực Tây Nguyên và các sự kiện y tế công cộng có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe Nhân dân.

2. Khi phát hiện dịch bệnh, ổ dịch bất thường hoặc tình huống y tế công cộng khẩn cấp, Sở Y tế kịp thời báo cáo UBND tỉnh, đồng thời trao đổi với Viện để phối hợp hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật theo quy định.

3. Trên cơ sở đề nghị của địa phương và quy định chuyên môn, đề nghị Viện phối hợp, hỗ trợ điều tra dịch tễ, lấy mẫu, xét nghiệm, xác định tác nhân gây bệnh, phân tích nguy cơ, đề xuất biện pháp khoanh vùng, xử lý ổ dịch, truyền thông nguy cơ và giám sát sau xử lý.

4. UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương huy động lực lượng, phương tiện, vật tư, hóa chất, kinh phí và điều kiện cần thiết để triển khai biện pháp phòng, chống dịch kịp thời, đồng bộ, hiệu quả.

Điều 7. Phối hợp trong công tác tiêm chủng

1. Phối hợp triển khai, giám sát, đánh giá hoạt động tiêm chủng mở rộng, tiêm chủng chiến dịch, tiêm chủng chống dịch và các hoạt động tiêm chủng khác trên địa bàn tỉnh.

2. Duy trì, nâng cao tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ; tập trung địa bàn vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới và khu vực có nguy cơ thấp về tỷ lệ bao phủ vắc xin theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

3. Đề nghị Viện phối hợp, hỗ trợ hướng dẫn chuyên môn về lập kế hoạch, bảo quản, vận chuyển, sử dụng vắc xin, an toàn tiêm chủng; giám sát, điều tra, xử lý phản ứng sau tiêm chủng và các tình huống phát sinh theo quy định.

4. Sở Y tế chỉ đạo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, các cơ sở tiêm chủng, Trung tâm Y tế, Trạm Y tế và các đơn vị có liên quan thực hiện đúng quy trình chuyên môn, quản lý đối tượng, cập nhật dữ liệu tiêm chủng và báo cáo đầy đủ, kịp thời.

Điều 8. Phối hợp trong dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em

1. Phối hợp triển khai giải pháp giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em, nhất là trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số; khảo sát, phân tích nguyên nhân, xác định yếu tố nguy cơ và xây dựng mô hình can thiệp dinh dưỡng phù hợp từng địa bàn.

2. Phối hợp hướng dẫn chuyên môn, kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng học đường, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em và các chương trình, dự án liên quan.

3. Sở Y tế phối hợp với địa phương rà soát, củng cố nhân viên y tế thôn bản, mạng lưới cộng tác viên tại cộng đồng trong truyền thông, vận động sinh con an toàn, chăm sóc trước sinh, sau sinh, tiêm chủng đầy đủ, phát hiện sớm dấu hiệu nguy cơ và chuyển tuyến kịp thời.

4. Đề nghị Viện phối hợp, hỗ trợ tư vấn, đào tạo, đánh giá hiệu quả mô hình can thiệp cộng đồng; đề xuất giải pháp phù hợp với phong tục, tập quán, điều kiện kinh tế - xã hội và đặc điểm dân cư từng khu vực.

Điều 9. Phối hợp trong phòng, chống bệnh không lây nhiễm và nâng cao sức khỏe

1. Phối hợp triển khai hoạt động phòng, chống bệnh không lây nhiễm, bệnh truyền nhiễm mạn tính, rối loạn sức khỏe tâm thần, phòng, chống tác hại của thuốc lá, rượu bia, nâng cao sức khỏe học đường, sức khỏe người cao tuổi và các nhóm đối tượng nguy cơ.

2. Đề nghị Viện phối hợp, hỗ trợ khảo sát, đánh giá yếu tố nguy cơ, phân tích số liệu, xây dựng mô hình can thiệp, hướng dẫn chuyên môn và đánh giá hiệu quả hoạt động phòng bệnh, nâng cao sức khỏe tại cộng đồng.

3. Sở Y tế tham mưu lồng ghép nội dung phòng bệnh, nâng cao sức khỏe vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, giáo dục, văn hóa, thể thao và các phong trào tại cộng đồng.

Điều 10. Phối hợp trong xét nghiệm, an toàn sinh học, an toàn thực phẩm và sức khỏe môi trường, sức khỏe học đường, sức khỏe nghề nghiệp, phòng chống tai nạn thương tích

1. Đề nghị Viện phối hợp, hỗ trợ tinh trong xét nghiệm chuyên sâu, xác định tác nhân gây bệnh, giám sát biến thể, giám sát kháng thuốc, ngoại kiểm, kiểm chuẩn và nâng cao chất lượng xét nghiệm thuộc lĩnh vực phòng bệnh.

2. Phối hợp hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc bảo đảm an toàn sinh học phòng xét nghiệm; quy trình lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển, tiếp nhận, xử lý mẫu bệnh phẩm và trả kết quả theo quy định.

3. Phối hợp hỗ trợ chuyên môn trong giám sát nguy cơ ngộ độc thực phẩm, điều tra vụ việc ngộ độc thực phẩm, đánh giá nguy cơ đối với thức ăn đường phố, đồ uống không rõ nguồn gốc và các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.

4. Từng bước đầu tư trang thiết bị xét nghiệm, nâng cao năng lực xử lý, phản ứng nhanh tại địa phương; đẩy mạnh giám sát sức khỏe môi trường, sức khỏe học đường, sức khỏe nghề nghiệp, phòng chống tai nạn thương tích và các yếu tố nguy cơ liên quan đến môi trường sống của Nhân dân.

Điều 11. Phối hợp trong củng cố hệ thống y tế cơ sở

1. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, địa phương liên quan rà soát, đánh giá mô hình tổ chức, hoạt động của hệ thống trạm y tế; tham mưu lộ trình củng cố, sắp xếp phù hợp, chưa thực hiện chuyển đổi đồng loạt khi chưa bảo đảm đầy đủ điều kiện cần thiết theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

2. Phối hợp ưu tiên đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trạm y tế theo kế hoạch của tỉnh, tập trung địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới.

3. Rà soát, bố trí, điều động nguồn nhân lực y tế phù hợp với nhu cầu thực tế, bảo đảm hiệu quả hoạt động tuyến cơ sở; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ chuyên môn để nâng cao năng lực phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu và quản lý sức khỏe người dân tại cộng đồng.

4. Đề nghị Viện phối hợp, hỗ trợ đào tạo, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, giám sát chuyên môn, đánh giá năng lực và đề xuất mô hình nâng cao hiệu quả hoạt động y tế cơ sở phù hợp điều kiện tỉnh Gia Lai.

Điều 12. Phối hợp trong triển khai khám sức khỏe toàn dân và quản lý dữ liệu sức khỏe

1. Sở Y tế chủ trì xây dựng kế hoạch tổ chức khám sức khỏe toàn dân theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh, phân đấu hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2026; việc triển khai phải khoa học, hiệu quả, tránh chồng chéo với đối tượng đã được khám sức khỏe định kỳ.

2. Tăng cường kiểm tra, giám sát, bảo đảm thực hiện thực chất; không để xảy ra tình trạng cập nhật hồ sơ hình thức, không đúng thực tế hoặc không phản ánh đầy đủ thông tin sức khỏe của người dân.

3. Đề nghị Viện phối hợp, hỗ trợ tư vấn phương pháp thu thập, chuẩn hóa, quản lý, phân tích dữ liệu sức khỏe; đề xuất chỉ số, biểu mẫu, phương pháp đánh giá mô hình bệnh tật, yếu tố nguy cơ và nhu cầu can thiệp tại cộng đồng.

4. Sở Y tế chủ trì tham mưu xây dựng hệ thống dữ liệu y tế thống nhất, liên thông từ tuyến cơ sở đến tuyến tỉnh; phục vụ quản lý sức khỏe người dân, dự báo nguy cơ bệnh tật, hoạch định chính sách và đánh giá kết quả chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

Điều 13. Phối hợp trong nghiên cứu khoa học, điều tra, khảo sát và ứng dụng kết quả nghiên cứu

1. Phối hợp đề xuất, triển khai đề tài, nhiệm vụ khoa học, điều tra, khảo sát, đánh giá mô hình can thiệp trong lĩnh vực phòng bệnh, y tế công cộng và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

2. Ưu tiên chuyên đề nghiên cứu, điều tra, khảo sát dữ liệu về mô hình bệnh tật, chỉ số sức khỏe, yếu tố dịch tễ, yếu tố nguy cơ và các vấn đề sức khỏe đặc thù của tỉnh Gia Lai; làm cơ sở xây dựng chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

3. Hoạt động nghiên cứu, điều tra, khảo sát trên địa bàn tỉnh phải bảo đảm đúng quy định pháp luật, đạo đức nghiên cứu, bảo mật thông tin cá nhân, bảo vệ quyền lợi của đối tượng tham gia và phù hợp định hướng phát triển của địa phương.

4. Kết quả nghiên cứu, khảo sát, đánh giá được chia sẻ, sử dụng phục vụ công tác tham mưu, hoạch định chính sách, xây dựng kế hoạch, mô hình can thiệp và nâng cao năng lực hệ thống phòng bệnh của tỉnh.

Điều 14. Phối hợp trong đào tạo, tập huấn, truyền thông nguy cơ và chuyển giao kỹ thuật

1. Phối hợp tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyên môn cho cán bộ y tế các tuyến về giám sát dịch tễ, phòng, chống dịch, xét nghiệm, tiêm chủng, an toàn sinh học, dinh dưỡng, bệnh không lây nhiễm, sức khỏe môi trường, sức khỏe học đường, sức khỏe nghề nghiệp, an toàn thực phẩm, truyền thông nguy cơ và các lĩnh vực phòng bệnh khác.

2. Đề nghị Viện, trên cơ sở kế hoạch phối hợp đã thống nhất hoặc yêu cầu đột xuất khi có tình huống cần thiết, quan tâm cử chuyên gia, giảng viên, báo cáo viên hỗ trợ tỉnh trong đào tạo, tập huấn, truyền thông nguy cơ và chuyển giao kỹ thuật.

3. Sở Y tế chủ trì rà soát nhu cầu đào tạo, lập danh sách đối tượng, chuẩn bị điều kiện tổ chức, tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật và đánh giá sau đào tạo; bảo đảm nội dung đào tạo gắn với nhu cầu thực tiễn, dễ áp dụng, có sản phẩm cụ thể.

4. Phối hợp xây dựng thông điệp, tài liệu truyền thông nguy cơ, khuyến cáo chuyên môn chính xác, kịp thời, dễ hiểu, phù hợp từng nhóm đối tượng; truyền thông đúng mức, không gây hoang mang, góp phần nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi phòng bệnh của Nhân dân.

Điều 15. Phối hợp trong chuyển đổi số y tế và khai thác dữ liệu phục vụ quản lý

1. Phối hợp đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực phòng bệnh; xây dựng, hoàn thiện hệ thống dữ liệu y tế thống nhất, liên thông, phục vụ quản lý, giám sát, cảnh báo sớm và chỉ đạo điều hành.

2. Sở Y tế chủ trì tham mưu chuẩn hóa, kết nối, khai thác dữ liệu từ tuyến cơ sở đến tuyến tỉnh; bảo đảm dữ liệu được cập nhật đúng, đủ, kịp thời, phản ánh đúng thực tế và phục vụ hiệu quả công tác quản lý sức khỏe người dân.

3. Đề nghị Viện phối hợp, hỗ trợ phương pháp phân tích, đánh giá dữ liệu dịch tễ, dữ liệu bệnh tật, dữ liệu tiêm chủng, dinh dưỡng, bệnh không lây nhiễm và các chỉ số sức khỏe cộng đồng; đề xuất cảnh báo, khuyến nghị chuyên môn phù hợp.

4. Việc chia sẻ, kết nối, khai thác dữ liệu phải tuân thủ quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo mật thông tin sức khỏe và an toàn thông tin mạng.

Chương III

HÌNH THỨC, CƠ CHẾ PHỐI HỢP VÀ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 16. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản, thư điện tử công vụ, điện thoại, họp trực tiếp, họp trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác.

2. Tổ chức hội nghị, hội thảo, giao ban, sơ kết, tổng kết; đoàn công tác, đoàn kiểm tra, giám sát, đánh giá; tổ chuyên gia, tổ hỗ trợ kỹ thuật hoặc đội đáp ứng nhanh khi cần thiết.

3. Cung cấp thông tin, tài liệu, số liệu chuyên môn; chia sẻ kết quả giám sát, xét nghiệm, điều tra dịch tễ, khảo sát, nghiên cứu, đánh giá nguy cơ và khuyến nghị chuyên môn.

4. Lồng ghép nội dung phối hợp vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của Sở Y tế, cơ quan, đơn vị, địa phương và Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên.

Điều 17. Đầu mối phối hợp

1. UBND tỉnh giao Sở Y tế làm cơ quan đầu mối của tỉnh trong quan hệ phối hợp với Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên; chủ trì tiếp nhận, tổng hợp, trao đổi, thống nhất và tham mưu xử lý các nội dung thuộc phạm vi Quy chế này.

2. Đề nghị Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên phân công đơn vị, cá nhân làm đầu mối phối hợp với Sở Y tế tỉnh Gia Lai; thông báo đầu mối, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử để thuận lợi trong liên hệ, trao đổi công việc.

3. Các sở, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị có liên quan phân công đầu mối phối hợp theo từng nội dung, nhiệm vụ cụ thể; bảo đảm thông tin thông suốt, không để chậm trễ trong xử lý công việc.

4. Khi thay đổi đầu mối phối hợp, các bên kịp thời thông báo bằng văn bản hoặc hình thức phù hợp để bảo đảm tính liên tục trong quá trình thực hiện.

Điều 18. Xây dựng kế hoạch phối hợp hằng năm và theo từng giai đoạn

1. Hằng năm hoặc khi cần thiết, Sở Y tế chủ trì, trao đổi, thống nhất với Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên và các cơ quan, đơn vị liên quan để xây dựng kế hoạch phối hợp; trong đó xác định rõ mục tiêu, nội dung, thời gian, địa điểm, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, sản phẩm đầu ra, nguồn lực thực hiện và chế độ báo cáo.

2. Kế hoạch phối hợp phải bám sát chỉ đạo của Bộ Y tế, UBND tỉnh, tình hình dịch bệnh, nhu cầu thực tiễn của địa phương và khả năng hỗ trợ chuyên môn của Viện.

3. Đối với nhiệm vụ đột xuất, cấp bách, các bên chủ động thống nhất nội dung phối hợp, tổ chức triển khai ngay theo yêu cầu thực tiễn; đồng thời hoàn thiện hồ sơ, thủ tục, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

Điều 19. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Sở Y tế chủ trì cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, số liệu chuyên môn liên quan đến phòng bệnh, phòng, chống dịch bệnh, tiêm chủng, dinh dưỡng, an toàn thực

phẩm, sức khỏe môi trường, y tế cơ sở, khám sức khỏe toàn dân, chuyển đổi số và các lĩnh vực liên quan để phục vụ phân tích, đánh giá, hỗ trợ chuyên môn.

2. Đề nghị Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên kịp thời chia sẻ khuyến nghị chuyên môn, kết quả phân tích, đánh giá nguy cơ, kết quả xét nghiệm, khảo sát, nghiên cứu và các thông tin cần thiết để tỉnh phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành theo quy định.

3. Định kỳ hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Sở Y tế chủ trì tổng hợp kết quả thực hiện Quy chế, báo cáo UBND tỉnh; đồng thời trao đổi với Viện để thống nhất nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tiếp theo.

4. Trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, Sở Y tế chủ trì phối hợp với Viện và các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh và Bộ Y tế xem xét, chỉ đạo.

Điều 20. Cơ chế xử lý tình huống khẩn cấp

1. Khi xảy ra dịch bệnh nguy hiểm, sự kiện y tế công cộng khẩn cấp, ngộ độc thực phẩm hàng loạt, thiên tai, thảm họa hoặc tình huống bất thường ảnh hưởng đến sức khỏe Nhân dân, Sở Y tế kịp thời tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo xử lý; đồng thời chủ động trao đổi, đề nghị Viện phối hợp, hỗ trợ chuyên môn.

2. Tùy tính chất, mức độ, phạm vi ảnh hưởng của tình huống, các bên thống nhất thành lập tổ công tác, đoàn hỗ trợ chuyên môn, đội đáp ứng nhanh hoặc hình thức phối hợp phù hợp; ưu tiên xử lý tại hiện trường, khoanh vùng, kiểm soát nguy cơ, hạn chế thấp nhất tác động đến sức khỏe Nhân dân.

3. Sau khi kết thúc tình huống, Sở Y tế chủ trì phối hợp với Viện và các đơn vị liên quan đánh giá, rút kinh nghiệm, đề xuất giải pháp củng cố năng lực ứng phó trong thời gian tiếp theo.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM VÀ NỘI DUNG PHỐI HỢP CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 21. Trách nhiệm của UBND tỉnh Gia Lai

1. Chỉ đạo Sở Y tế và các sở, ban, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Chỉ đạo việc cung cấp thông tin, số liệu, bố trí điều kiện cần thiết để các hoạt động phối hợp với Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên trên địa bàn tỉnh được thực hiện thuận lợi, đúng quy định.

3. Huy động nguồn lực địa phương để triển khai hoạt động phòng bệnh, phòng, chống dịch bệnh, y tế cơ sở, khám sức khỏe toàn dân, chuyển đổi số y tế và các nhiệm vụ phối hợp đã thống nhất.

4. Chỉ đạo xử lý kịp thời các kiến nghị, khuyến nghị chuyên môn của Viện phù hợp với tình hình thực tiễn và thẩm quyền của địa phương.

5. Định kỳ hoặc đột xuất làm việc, trao đổi với Viện để đánh giá kết quả phối hợp, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và thống nhất nhiệm vụ trong thời gian tiếp theo.

Điều 22. Trách nhiệm của Sở Y tế tỉnh Gia Lai

1. Là cơ quan đầu mối của tỉnh, chủ trì tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này; trao đổi, thống nhất với Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên để xây dựng kế hoạch phối hợp hàng năm, theo từng giai đoạn và theo yêu cầu đột xuất.

2. Chủ động đề xuất nội dung hợp tác; tổng hợp nhu cầu hỗ trợ chuyên môn của địa phương; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp tổ chức triển khai, tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật, hướng dẫn chuyên môn, đào tạo, tập huấn theo kế hoạch đã thống nhất với Viện.

3. Cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, số liệu chuyên môn phục vụ phân tích, đánh giá, hỗ trợ chuyên môn; định kỳ tổng hợp kết quả phối hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

4. Chỉ đạo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, Trung tâm Y tế, Trạm Y tế, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và đơn vị trực thuộc phối hợp với Viện trong giám sát, phòng, chống dịch, xét nghiệm, tiêm chủng, dinh dưỡng, an toàn thực phẩm, sức khỏe môi trường, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển đổi số và các nội dung liên quan.

5. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Quy chế; tổng hợp khó khăn, vướng mắc, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Điều 23. Nội dung đề nghị Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên phối hợp, hỗ trợ

1. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, phân công của Bộ Y tế và khả năng chuyên môn của Viện, đề nghị Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên phối hợp, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho tỉnh Gia Lai trong lĩnh vực phòng bệnh, phòng, chống dịch bệnh, tiêm chủng, dinh dưỡng, bệnh không lây nhiễm, sức khỏe môi trường, xét nghiệm, nghiên cứu khoa học, đào tạo, chuyển giao kỹ thuật và các nội dung liên quan.

2. Đề nghị Viện tiếp tục phối hợp, hỗ trợ tỉnh trong tham vấn chiến lược, cập nhật chủ trương, chính sách, hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế; hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ phòng bệnh các tuyến.

3. Trên cơ sở đề nghị của địa phương và quy định chuyên môn, đề nghị Viện phối hợp triển khai giám sát dịch tễ, phân tích nguy cơ, cảnh báo sớm dịch bệnh; hỗ trợ xét nghiệm, xác định tác nhân gây bệnh, điều tra dịch tễ, xử lý ổ dịch và các tình huống y tế công cộng khẩn cấp.

4. Đề nghị Viện phối hợp thực hiện các chuyên đề nghiên cứu, điều tra, khảo sát dữ liệu về mô hình bệnh tật, chỉ số sức khỏe, yếu tố dịch tễ và các vấn đề sức khỏe đặc thù của tỉnh Gia Lai; chia sẻ kết quả phục vụ công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành của địa phương theo quy định.

5. Hoạt động phối hợp trên địa bàn tỉnh được thực hiện trên cơ sở trao đổi, thống nhất giữa Sở Y tế và Viện; bảo đảm đúng quy định pháp luật, đúng chuyên môn kỹ thuật, tôn trọng sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền địa phương và phù hợp chức năng, nhiệm vụ của Viện.

Điều 24. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Y tế và Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên trong triển khai các hoạt động thuộc Quy chế này; bảo đảm đồng bộ, hiệu quả.

2. Phối hợp cung cấp thông tin, huy động lực lượng, phương tiện, cơ sở vật chất, truyền thông, hậu cần và các điều kiện cần thiết khi triển khai hoạt động phòng, chống dịch, ứng phó sự kiện y tế công cộng, khám sức khỏe toàn dân, củng cố y tế cơ sở và các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

3. UBND các xã, phường phối hợp với ngành Y tế trong giám sát dịch bệnh tại cộng đồng, quản lý đối tượng tiêm chủng, truyền thông phòng bệnh, triển khai khám sức khỏe toàn dân, quản lý dữ liệu sức khỏe, phát hiện sớm nguy cơ dịch bệnh và tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

4. Kịp thời báo cáo, tham mưu, đề xuất UBND tỉnh đối với khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

Chương V

KINH PHÍ VÀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM

Điều 25. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện các hoạt động phối hợp được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; nguồn kinh phí của chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và các nguồn hợp pháp khác theo quy định.

2. Đối với hoạt động do tỉnh Gia Lai chủ trì, kinh phí thực hiện do ngân sách tỉnh bảo đảm theo quy định và khả năng cân đối ngân sách.

3. Đối với hoạt động do Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên chủ trì hoặc phối hợp thực hiện theo nhiệm vụ, chương trình, dự án của Viện, kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí hợp pháp của Viện hoặc nguồn khác theo quy định, trên cơ sở thống nhất giữa các bên.

4. Việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, tài chính, kế toán và các quy định có liên quan.

Điều 26. Điều kiện bảo đảm

1. Các bên phối hợp bố trí nhân lực, phương tiện, trang thiết bị, vật tư, hóa chất, sinh phẩm, địa điểm, dữ liệu, tài liệu và các điều kiện cần thiết khác để thực hiện nội dung phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ, khả năng và nguồn lực được giao.

2. Trong trường hợp khẩn cấp, việc huy động, sử dụng nguồn lực thực hiện theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền và quy định pháp luật hiện hành.

3. Sở Y tế chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh ưu tiên nguồn lực cho các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách về phòng bệnh, y tế cơ sở, khám sức khỏe toàn dân, xét nghiệm, an toàn thực phẩm và chuyển đổi số y tế.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 27. Tổ chức triển khai thực hiện

1. Sở Y tế chủ trì, trao đổi, thống nhất với Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên; phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Đề nghị Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên phân công đầu mối phối hợp, chủ động trao đổi với Sở Y tế tỉnh Gia Lai để triển khai các nội dung phối hợp theo Quy chế.

3. Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao; bảo đảm các nội dung phối hợp được triển khai đồng bộ, hiệu quả, đúng tiến độ.

4. Trong quá trình triển khai, cơ quan, đơn vị kịp thời phát hiện, báo cáo vấn đề mới phát sinh, bất cập, vướng mắc để Sở Y tế tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Điều 28. Sơ kết, tổng kết, sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Định kỳ hằng năm hoặc khi cần thiết, Sở Y tế chủ trì, trao đổi, thống nhất với Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Quy chế.

2. Nội dung đánh giá tập trung vào kết quả triển khai nhiệm vụ, mức độ đáp ứng yêu cầu thực tiễn, hiệu quả phối hợp, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và giải pháp khắc phục.

3. Trường hợp có quy định mới của pháp luật, chỉ đạo mới của cấp có thẩm quyền hoặc phát sinh yêu cầu thực tiễn cần điều chỉnh, Sở Y tế chủ trì, trao đổi,

thống nhất với Viện và các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp.

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.
2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này; bảo đảm phối hợp chặt chẽ, kịp thời, hiệu quả, đúng quy định pháp luật.
3. Trường hợp các văn bản được viện dẫn trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó. Những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện được tổng hợp, xử lý theo quy định tại Điều 28 Quy chế này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



VIỆN TRƯỞNG
VIỆN VỆ SINH DỊCH TỄ
TÂY NGUYÊN

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (để báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để báo cáo);
- Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên (để p/h);
- Các sở, ban, ngành của tỉnh (để t/h);
- UBND các xã, phường (để t/h);
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, V1, V4, V6.

